

Bản án số: 84/2017/HSST

Ngày 16 - 6 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Khoa
2. Ông Hoàng Đức Hân

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền, cán bộ Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 52/2017/HSST ngày 05 tháng 05 năm 2017 đối với bị cáo:

A, sinh năm 1990; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Bến Bính A, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; con ông X, sinh năm 1959 và bà K, sinh năm 1963; có vợ là O, sinh năm 1988; có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 279/QĐ - XPVPHC ngày 23/8/2016 của Công an huyện T đã xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền về hành vi Trộm cắp tài sản; tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 18/02/2017; có mặt.

* Người bị hại: Chị F, sinh năm 1989 và anh D, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị T, sinh năm 1991 và anh M, sinh năm 1987; địa chỉ: Phố M, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Bà C, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Anh H, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo A bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 18/02/2017, A đi bộ từ quán điện tử của anh M, sinh năm 1987 ở thôn 2, xã T, huyện T đến quán điện tử của chị F, sinh năm 1989 ở thôn 2, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng với mục đích bán thẻ game. Khi đến nhà chị F, thấy quán đóng cửa nên A đã kéo cửa xếp đi vào gian phòng khách tầng 1, Toàn quan sát thấy 01 chiếc túi xách màu đen của chị Huyền để trên ghế gỗ không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Toàn đã mở khóa túi xách màu đen của chị Huyền lấy số tiền 5.000.000 đồng là tiền chung của chị P và anh D kẹp vào miệng, dùng tay kéo khóa túi lại rồi đi ra ngoài cất tiền vào túi quần sau đó quay về quán điện tử nhà anh M. Tại đây A đã đưa cho anh N, sinh năm 1995 ở xã T, huyện T (là em họ Toàn) số tiền 1.000.000 đồng để trả tiền chơi điện tử nợ trước đó. Anh N đã trả cho chị T (là vợ anh M) số tiền 800.000 đồng, sau đó Toàn rủ N, Trần Anh Tuấn, sinh năm 1987 ở thôn Bến Bính A, xã T, huyện T đi ăn sáng tại quán nhà anh H, sinh năm 1971 ở xã T hết số tiền 100.000 đồng và mua bia, thẻ điện thoại của bà C, sinh năm 1968 ở xã T hết số tiền 70.000 đồng và đưa cho N số tiền 250.000 đồng. Toàn đưa cho N tiền nhưng không nói cho N biết nguồn gốc số tiền trên do đâu mà có. Đến khoảng 09 giờ 40 phút cùng ngày chị P phát hiện mất tiền nên đã đến Cơ quan Công an trình báo. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã kiểm tra Cera lắp trong nhà chị P và thu giữ video có ghi lại toàn bộ hình ảnh A lấy tiền của chị P và anh D.

Tại Cơ quan điều tra A khai nhận toàn bộ hành vi của mình và tự nguyện nộp số tiền 3.750.000 đồng trong đó có 170.000 đồng tiền cá nhân của Toàn, số tiền 3.580.000 đồng là tiền còn lại sau khi lấy của chị Huyền. Ngày 18/02/2017 A bị bắt tạm giam. Quá trình điều tra, toàn bộ số tiền do A chiếm được là của chị Huyền, anh Dương, Toàn đưa cho anh N số tiền 1.250.000 đồng, anh N đã trả cho chị T (là vợ anh M) số tiền 800.000 đồng, A trả cho anh H số tiền 100.000 đồng, bà C số tiền 70.000 đồng. Anh N, anh H, chị Hồng và bà C đã tự nguyện nộp lại số tiền trên cho Cơ quan điều tra và không yêu cầu A bồi thường thiệt hại. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chị P và anh D số tiền 5.000.000 đồng, chị P và anh D không có yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 70/CT-VKS ngày 05/05/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo A khai: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 18/02/2017 Toàn đi từ quán điện tử nhà anh M đến nhà chị P với mục đích để bán thẻ game nhưng quán đóng cửa, Toàn đã mở cửa xếp đi vào quan sát thấy 01 túi xách màu đen để

trên ghế gỗ tại gian phòng khách tầng 1 nhà chị Huyền nên Toàn đã mở túi xách lấy số tiền 5.000.000 đồng quay về quán điện tử nhà anh M. A đã đưa cho anh N (là em họ của Toàn) số tiền 1.000.000 đồng để trả tiền chơi điện tử nợ trước đó, anh N đã trả cho chị T (là vợ anh M) số tiền 800.000 đồng. Sau đó Toàn rủ N, Trần Anh Tuấn đi ăn sáng tại quán nhà anh H hết số tiền 100.000 đồng và mua bia, thẻ điện thoại của bà C hết số tiền 70.000 đồng và đưa cho N số tiền 250.000 đồng nhưng không nói cho N tiền do đâu mà có. Toàn đã tự nguyện nộp số tiền 3.750.000 đồng trong đó có 170.000 đồng là tiền cá nhân của Toàn, số tiền 3.580.000 đồng là tiền còn lại sau khi lấy của chị Huyền.

Người bị hại là chị P và anh D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Số tiền 5.000.000 đồng của chị P và anh D bị A chiếm đoạt, chị P và anh D đã nhận lại đầy đủ, nay không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh H, bà C, anh M và chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Số tiền mà A đã trả cho anh H, bà C, anh M và chị T. Anh H, bà C, chị Hồng và anh Mạnh không biết tiền do Toàn phạm tội mà có và đã tự nguyện nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, nay không yêu cầu bị cáo A phải bồi thường.

Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đối với bị cáo A, đề nghị kết tội bị cáo A theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị A 12 đến 15 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày bắt tạm giam ngày 18/02/2017. Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự; Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tạm giữ số tiền 170.000 đồng thu giữ của bị cáo A để đảm bảo thi hành án, truy thu số tiền 970.000 đồng do phạm tội mà có của bị cáo A sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo A tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo A đã thực hiện hành vi lén lút để chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng của chị P và anh D, do đó bị cáo A đã phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Như vậy nội dung

cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên tại phiên toà đối với bị cáo A là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng điều luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo.

Xét bị cáo A phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thiệt hại gây ra không lớn đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, b, p, g khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt. Nhưng xét nhân thân bị cáo A đã có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt trên khởi điểm của khung hình phạt theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật Hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo A còn có thể bị phạt tiền nhưng xét bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về dân sự: Người bị hại là chị P và anh D đã nhận lại số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo A chiếm đoạt, nay không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh H đã tự nguyện giao nộp số tiền 100.000 đồng, bà C đã tự nguyện giao nộp số tiền 70.000 đồng, chị T và anh M đã tự nguyện giao nộp số tiền 800.000 đồng do bị cáo A trả để trả cho người bị hại và không yêu cầu bị cáo A phải bồi thường, nhưng xác định đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên căn cứ Điều 41 của Bộ luật Hình sự cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ của Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, xác định số tiền 170.000 đồng thu giữ của bị cáo A không liên quan đến việc phạm tội cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo A phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo A phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo A 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 18/02/2017.

Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tạm giữ số tiền 170.000 đồng (Một trăm bảy mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo A để đảm bảo thi hành án (Theo biên lai thu tiền số 0007298 ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng).

Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 970.000 đồng (Chín trăm bảy mươi nghìn đồng) của bị cáo A do phạm tội mà có. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong khoản tiền truy thu thì háng tháng bị cáo A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo A phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao cho hoặc được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao cho hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- CATP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- CA huyện T;
- Chi cục THADS T;
- UBND xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hiền

